

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CHỢ RÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1579*/QĐ-UBND

Chợ Rã, ngày *15* tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền của UBND xã Chợ Rã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ CHỢ RÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 193/2026/NĐ-CP ngày 01/6/2026 của Chính phủ quy định về quyết toán vốn đầu tư dự án;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định một số mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân xã Chợ Rã;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 249 /TTr-KT ngày 09 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền của UBND xã Chợ Rã.

(Có Quy chế kèm theo)

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện Quy chế là chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP, được chủ đầu tư thanh toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán theo quy

Điều 3. Giao Phòng Kinh tế chủ trì tổ chức thực hiện Quy chế; lập dự toán chi, theo dõi, quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn kinh phí theo đúng quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

- Như Điều 4 (t/h);
- TT ĐU, TT HĐND xã (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Cổng thông tin điện tử xã (đăng tải);
- Phòng Kinh tế xã (02 bản);
- LĐVP;
- Lưu: VT, PKT, Hương.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Triệu Anh Chư

QUY CHẾ

Chi tiêu cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc thẩm quyền của UBND xã Chợ Rã

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~1589~~/QĐ-UBND ngày 15/10/2026 của UBND xã Chợ Rã)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán đối với các dự án thuộc thẩm quyền của UBND xã Chợ Rã và do cơ quan được UBND xã giao chủ trì thẩm tra quyết toán.

Quy chế quy định các nội dung chi trực tiếp phục vụ công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán; thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn; công tác phí; văn phòng phẩm; dịch thuật, in ấn; hội nghị, hội thảo; mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác và các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Phòng Kinh tế xã Chợ Rã là cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán khi được UBND xã giao nhiệm vụ.

Công chức được phân công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Chuyên gia, tổ chức tư vấn được thuê thực hiện một phần công việc thẩm tra quyết toán theo hợp đồng.

Công chức Tài chính - Kế toán xã và các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP và hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư gửi.

Tổng số chi thực tế không vượt quá số chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định cho dự án và nguồn kinh phí thực tế được cấp.

Chi tiêu phải đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, có đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ và phù hợp với khối lượng công việc thực tế.

Không sử dụng nguồn kinh phí này cho nhiệm vụ không liên quan đến công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Không sử dụng nguồn kinh phí này để thay thế hoặc bổ sung kinh phí quản lý hành chính thường xuyên của UBND xã, Phòng Kinh tế.

Kinh phí chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục thực hiện theo quy định.

Không hạch toán chung và không quyết toán chung với nguồn kinh phí quản lý hành chính hằng năm của cơ quan chủ trì thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

Chương II

NGUỒN KINH PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH CHI PHÍ

Điều 4. Nguồn kinh phí

Cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán căn cứ hồ sơ trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư để xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và có văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán.

Chủ đầu tư thực hiện thủ tục đề nghị cơ quan thanh toán thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán cho cơ quan chủ trì thẩm tra theo quy định.

Trường hợp số tiền chủ đầu tư đã thanh toán vượt số chi phí được hưởng theo quy định thì cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán hoàn trả phần vượt cho chủ đầu tư để giảm trừ giá trị quyết toán của dự án.

Điều 5. Mức chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán

Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán của từng dự án được xác định theo định mức, tỷ lệ và phương pháp tính quy định tại Điều 20 Nghị định số 193/2026/NĐ-CP.

Căn cứ số chi phí được xác định cho từng dự án, Phòng Kinh tế lập kế hoạch hoặc dự toán sử dụng nguồn kinh phí theo quy định.

Chương III

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI

Điều 6. Chi trực tiếp cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán

Chi cho cán bộ, công chức được phân công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo hình thức khoán chi hoặc theo thời gian thực hiện nhiệm vụ, trên cơ sở khối lượng, tính chất và thời gian thẩm tra thực tế.

Mức chi cụ thể không vượt số chi phí được xác định cho dự án, phù hợp chế độ, tiêu chuẩn, định mức hiện hành và có bảng phân công nhiệm vụ, bảng xác nhận thời gian hoặc kết quả thực hiện nhiệm vụ làm căn cứ thanh toán.

Không thực hiện chi trùng với tiền lương, phụ cấp và các khoản thu nhập đã được ngân sách nhà nước bảo đảm theo chế độ.

Điều 7. Chi thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn

Trường hợp hồ sơ dự án có tính chất phức tạp, yêu cầu chuyên môn mà cơ quan chủ trì thẩm tra không đủ điều kiện thực hiện, được thuê chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn theo quy định.

Việc lựa chọn chuyên gia, tổ chức tư vấn và ký hợp đồng thực hiện theo pháp luật về đấu thầu, hợp đồng và quy định có liên quan.

Giá trị hợp đồng phải nằm trong phạm vi nguồn chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định cho dự án.

Điều 8. Chi công tác phí

Chi công tác phí cho cán bộ, công chức được cử đi kiểm tra hồ sơ, kiểm tra hiện trường hoặc thực hiện nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến thẩm tra quyết toán.

Mức chi thực hiện theo chế độ công tác phí hiện hành và quy định của cấp có thẩm quyền áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 9. Chi văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp, dịch thuật

Được chi cho văn phòng phẩm; in, sao chụp hồ sơ; đóng quyển, lưu trữ; dịch thuật tài liệu; và các chi phí kỹ thuật cần thiết phục vụ thẩm tra.

Mức chi căn cứ nhu cầu thực tế, dự toán được duyệt và quy định về mua sắm, thanh toán, chứng từ.

Điều 10. Chi hội nghị, hội thảo

Được chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo cần thiết phục vụ trực tiếp việc thẩm tra, làm rõ hồ sơ quyết toán.

Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ hội nghị, hội thảo hiện hành; bảo đảm thiết thực, tiết kiệm.

Điều 11. Chi mua sắm máy tính, trang thiết bị phục vụ công tác

Trường hợp cần thiết, nguồn chi phí được sử dụng để mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị trực tiếp phục vụ công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo quy định.

Việc mua sắm phải có nhu cầu thực tế, được người có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm tiêu chuẩn, định mức và tuân thủ pháp luật về mua sắm, đấu thầu, tài sản công.

Tài sản mua sắm phải được quản lý, theo dõi và sử dụng đúng mục đích.

Điều 12. Các khoản chi khác

Các khoản chi khác được thực hiện khi liên quan trực tiếp đến công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán, có căn cứ pháp lý, nhu cầu thực tế, được người có thẩm quyền phê duyệt và nằm trong phạm vi nguồn kinh phí.

Chương IV

LẬP, QUẢN LÝ VÀ THANH TOÁN KINH PHÍ

Điều 13. Lập kế hoạch sử dụng kinh phí

Hàng năm, căn cứ số lượng dự án cần thẩm tra, số kinh phí được xác định và số dư năm trước chuyển sang, Phòng Kinh tế lập kế hoạch hoặc dự toán sử dụng kinh phí.

Kế hoạch xác định số dự án, chi phí từng dự án, tổng nguồn, nhóm nội dung chi, kinh phí sử dụng trong năm và số chuyển năm sau nếu có.

Điều 14. Hồ sơ thanh toán

Văn bản xác định chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán; chứng từ thanh toán; kế hoạch sử dụng kinh phí và các hồ sơ, chứng từ liên quan đến từng khoản chi.

Đối với thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn phải có hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý và chứng từ. Đối với công tác phí phải có giấy cử đi công tác, giấy đi đường, bảng kê và chứng từ. Đối với mua sắm tài sản phải có hồ sơ mua sắm, nghiệm thu, bàn giao, hóa đơn, chứng từ và hồ sơ quản lý tài sản.

Điều 15. Quản lý nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí được theo dõi riêng theo từng dự án và tổng hợp riêng theo năm.

Không sử dụng nguồn kinh phí của dự án này để chi cho dự án khác khi chưa xác định và phân bổ theo quy định.

Kinh phí chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau.

Phòng Kinh tế theo dõi số được xác định, số đã thu, số đã chi, số còn dư và số chuyển năm sau.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 16. Trách nhiệm của Phòng Kinh tế

Chủ trì tổ chức thẩm tra quyết toán theo nhiệm vụ được UBND xã giao; xác định chi phí thẩm tra; lập văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán; lập kế hoạch sử dụng kinh phí; tổ chức chi tiêu đúng Quy chế.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của nội dung chi và giá trị đề nghị thanh toán; lập, quản lý, lưu trữ hồ sơ; báo cáo UBND xã khi được yêu cầu.

Điều 17. Trách nhiệm của Công chức Tài chính - Kế toán

Hướng dẫn quản lý, theo dõi, thanh toán và quyết toán nguồn kinh phí; kiểm tra hồ sơ, chứng từ; theo dõi riêng nguồn kinh phí; phối hợp lập báo cáo quyết toán, báo cáo số dư và số chuyển năm sau.

Điều 18. Trách nhiệm của Chủ tịch UBND xã

Phê duyệt Quy chế và các nội dung thuộc thẩm quyền; quyết định hoặc cho ý kiến về kế hoạch sử dụng nguồn kinh phí hằng năm; chỉ đạo kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí.

Chương VI

CÔNG KHAI, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Công khai và kiểm tra

Việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí phải bảo đảm công khai, minh bạch trong nội bộ cơ quan.

UBND xã tổ chức kiểm tra khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Hồ sơ, chứng từ phải được lưu trữ đầy đủ để phục vụ kiểm tra, thanh tra, kiểm toán và quyết toán.

Điều 20. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn kinh phí không đúng mục đích, vượt mức được phép, chi không có căn cứ hoặc không bảo đảm hồ sơ, chứng từ phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng sai và chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều chỉnh, bổ sung Quy chế

Khi văn bản pháp luật về quyết toán vốn đầu tư, chế độ chi tiêu tài chính, quản lý tài sản công hoặc chế độ liên quan được sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản mới.

Trường hợp cần thiết, Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp Công chức Tài chính - Kế toán tham mưu UBND xã sửa đổi, bổ sung Quy chế.

Điều 22. Tổ chức thực hiện

Phòng Kinh tế, Công chức Tài chính - Kế toán và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế.

Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Phòng Kinh tế tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn theo quy định.

